

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG**Phan Văn Khải**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 123/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm 8 tỉnh, thành phố: Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ (viết tắt là ĐNB) và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (viết tắt là KTTĐ) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động để chỉ đạo và điều hành thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, làm căn cứ để các cấp, các ngành, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế định hướng các hoạt động của mình bảo đảm Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; đồng thời, phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững chắc với nội dung sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu cơ bản của Chương trình hành động của Chính phủ là tạo ra cơ sở thống nhất để phối hợp hành động giữa các cấp, các ngành thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị, tạo ra sự phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội của Vùng; đóng góp xứng đáng vào quá trình phát triển chung của cả nước trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

1. Mục tiêu chung

Tập trung đầu tư phát triển những ngành, lĩnh vực, sản phẩm có lợi thế so sánh

của từng khu vực trong Vùng, huy động cao nhất các nguồn lực, chủ yếu là nội lực; trước hết, là nguồn lực tại chỗ để khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của Vùng, tạo sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các tỉnh trong Vùng và giữa các tiểu vùng trong mỗi địa phương để nhanh chóng đưa Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam trở thành Vùng động lực, đi đầu trong công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) của đất nước trên các lĩnh vực như công nghiệp, tài chính, ngân hàng, viễn thông, hàng không, thương mại, khoa học công nghệ, du lịch với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, các mặt văn hóa, xã hội phát triển vào loại tiêu biểu của cả nước; bảo đảm ổn định chính trị và an ninh, quốc phòng vững chắc; tạo động lực thúc đẩy sự phát triển chung của cả nước và đặc biệt là khu vực phía Nam.

2. Các mục tiêu cụ thể

- GDP của Vùng năm 2010 đạt thấp nhất gấp 2,5 lần so với năm 2000 và năm 2020 ước gấp từ 2,3 đến 2,5 lần so với năm 2010.
- Giá trị xuất khẩu tăng gấp hơn 2 lần mức tăng GDP.
- Mức thu ngân sách tăng từ 16 - 18%/năm.
- Tỷ lệ lao động không có việc làm dưới 5%. Để đạt được những mục tiêu quan trọng đó cần tiếp tục đổi mới toàn diện, sâu rộng.
- Tốc độ đổi mới công nghệ (phần đầu bình quân mỗi năm đổi mới 20 - 25%).
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo lên trên 50% vào năm 2010 và trên 70% vào năm 2020.
- Có biện pháp đồng bộ để xây dựng được cơ cấu kinh tế hiện đại, thu hút đầu tư trong 5 năm 2006 - 2010 gấp đôi giai đoạn 2001 - 2005.

Để đạt được những mục tiêu quan trọng đó cần tiếp tục đổi mới toàn diện, sâu rộng về: chỉ đạo, điều hành, cơ chế, chính sách phát huy nội lực, thu hút đầu tư, tổ chức thực hiện, cải cách thủ tục hành chính, cải cách bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức... để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và hoàn thành việc lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sản phẩm chủ yếu đã có; các Bộ, ngành, các địa phương trong Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch (trong đó, cần cụ thể hóa quy hoạch thành các chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư) thuộc lĩnh vực quản lý theo chức năng của mình và trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2006. Đồng thời, triển khai lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020; trong đó có bước đi đến năm 2010.

Yêu cầu đối với rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch là:

- Quán triệt và cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 53/NQ-TW; dựa trên Quyết định số 146/2004/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ tiến hành rà soát, cập nhật, bổ sung bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các ngành, các địa phương và phù hợp với yêu cầu phát triển trong điều kiện mới.

- Công tác quy hoạch phải coi trọng chất lượng, tính toán đầy đủ yếu tố thị trường và có tầm nhìn dài hạn hướng tới hiện đại (nhất là đối với quy hoạch kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật, quy hoạch đô thị).

- Thời gian của quy hoạch tổng thể là đến năm 2020, trong đó có các bước đi thích hợp và các công việc cụ thể cho từng giai đoạn, nêu rõ những lĩnh vực phải hoàn thành trong 5 năm tới (2006 - 2010). Kết hợp hài hòa giữa các quy hoạch kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (được hiểu là quy hoạch cứng) và quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ và sản phẩm chủ yếu (được hiểu là quy hoạch mềm).

- Xác định rõ mục tiêu, các công trình trọng yếu đối với quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (giao thông, điện, thủy lợi, khu công nghiệp, trường học, cơ sở khám chữa bệnh, các công trình văn hóa...). Đối với các ngành sản xuất kinh doanh phải nêu rõ định hướng và xác định lĩnh vực ưu tiên tập trung đầu tư phát triển để làm căn cứ cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển.

- Xác định rõ các chương trình, dự án đầu tư trong 5 năm (2006 - 2010), nhu cầu về vốn và cơ chế, chính sách tài chính cho từng dự án, chương trình đầu tư. Lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các đề án, dự án quan trọng để đưa vào kế hoạch hàng năm.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2006 - 2010 của ngành và địa phương Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam trong lĩnh vực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Đề thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội; các Bộ, ngành và địa

phương Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam cần tiến hành tổng hợp, đánh giá thành tựu, hiệu quả, khuyết điểm, yếu kém của việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trong những năm qua. Tiếp tục đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án trọng điểm trong Vùng từ nay đến năm 2010; đồng thời, tiến hành các hoạt động chuẩn bị tiền đề cho đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng sau năm 2010; trong đó, ưu tiên phát triển mạng lưới giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, du lịch, cung cấp nước sạch, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và nhà ở.

3. Xây dựng kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2006 - 2010 của ngành và địa phương trong lĩnh vực phát triển các ngành, sản phẩm chủ yếu

Chương trình đầu tư 5 năm 2006 - 2010 đối với Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam hướng vào mục tiêu thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản phẩm để phát huy lợi thế so sánh của Vùng theo phương châm xây dựng cơ cấu kinh tế tiên tiến với các ngành được hiện đại hóa, sản xuất sản phẩm tạo khả năng đột phá, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, quốc tế, mang lại nhiều giá trị gia tăng nội địa và đạt hiệu quả cao.

- Đối với công nghiệp: coi trọng phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực có ý nghĩa đột phá như: khai thác dầu khí, điện tử và công nghiệp sản xuất phần mềm; sản xuất điện, thép, phân bón, hóa chất, dầu khí; công nghiệp vật liệu xây dựng, sản xuất dược phẩm; đặc biệt, chú trọng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ sinh học. Các tỉnh chưa có điều kiện phát triển công nghiệp với trình độ cao, cần tập trung đầu tư phát triển những ngành thu hút nhiều lao động như: chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp thực phẩm; sản xuất hàng tiêu dùng dệt - may, da giày, nhựa.

Ưu tiên phát triển công nghiệp cơ bản như: cơ khí, luyện cán thép, chế tạo máy, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền,... làm nền tảng cho sự phát triển chung và hội nhập quốc tế, phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ: sản xuất linh kiện, phụ kiện, sửa chữa, bảo dưỡng...

- Đối với dịch vụ: tập trung phát triển với tốc độ nhanh và chất lượng cao các ngành dịch vụ như: tài chính, ngân hàng, du lịch, vui chơi giải trí, dịch vụ công nghệ, viễn thông, vận tải quốc tế, đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và nghiên cứu khoa học trên địa bàn Vùng nhằm bảo đảm nhịp độ tăng trưởng cao, phát triển toàn diện và bền vững cho toàn Vùng.

- Đối với nông, lâm, ngư nghiệp: phát huy lợi thế của Vùng về đất, hệ sinh thái,

khí hậu để phát triển nông nghiệp hàng hóa, có năng suất, chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và giá trị sản phẩm cao trên đơn vị diện tích, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, khung khổ thể chế về quản lý và điều hành thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW

Đề thống nhất chỉ đạo và điều hành có hiệu quả các hoạt động của Chương trình hành động, phải khẩn trương hoàn thiện cơ chế, chính sách, khung khổ thể chế về quản lý và điều hành thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW; chú ý đến các chính sách về đất đai, tài chính, chính sách thị trường, đào tạo nguồn nhân lực, xử lý chất thải, khai thác và sử dụng tài nguyên nước, cải cách hành chính, ... Xây dựng cho được hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực; chính sách huy động nguồn lực đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

5. Thông tin tuyên truyền

Các cơ quan thông tin đại chúng và địa phương tổ chức thông báo và phổ biến, tuyên truyền về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị.

6. Nhiệm vụ đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Căn cứ vào Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong năm 2006 cần tập trung hoàn thiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cụ thể hóa thành kế hoạch, đề xuất cơ chế, chính sách và có phương án tổ chức thực hiện.

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các tỉnh liên quan nghiên cứu lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng với bước đi cụ thể đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng đề xuất và trình Chính phủ các khung cơ chế, chính sách và mô hình quản lý Vùng nhằm thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch của Vùng và của từng địa phương; cơ chế, chính sách quản lý và phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách cho các địa phương để thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 53-NQ/TW.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất của Vùng.

- Xây dựng chính sách thu hút đầu tư, đặc biệt là vốn huy động nội lực, thu hút

đầu tư nước ngoài và vận động xúc tiến đầu tư vào sản xuất công nghiệp, phát triển dịch vụ như vận tải biển, bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, dầu khí, dịch vụ du lịch, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu thương mại, khu vui chơi giải trí.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo nguồn nhân lực.
- Xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước.
- Xây dựng cơ chế, chính sách liên kết giữa Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam với các vùng khác trong cả nước.

- Xây dựng kế hoạch triển khai xúc tiến đầu tư và xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư cho Vùng; trong đó, có các chương trình, dự án ưu tiên với những cam kết cụ thể để thu hút các tập đoàn đa quốc gia, đầu tư công nghệ cao.

- Lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng và quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020, có bước đi cụ thể đến năm 2010 trên tinh thần phối hợp các quy hoạch ngành với quy hoạch tổng thể, xây dựng kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng cho Vùng.

- Xây dựng cơ chế phối hợp cho Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam.

b) Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng thành phố Hồ Chí Minh và quy hoạch một số thành phố, đô thị lớn đang có những động thái phát triển hoặc những thay đổi về mặt hành chính lớn như thị xã - trung tâm hành chính Bà Rịa (Bà Rịa Vũng Tàu), các đô thị Nhơn Trạch, Long Thành (Đồng Nai), khu đô thị mới (Bình Dương), các đô thị mới ở Phú Mỹ, Long Sơn, Long Hải (Bà Rịa - Vũng Tàu), Dĩ An - Tân Uyên (Bình Dương), Tam Phước (Đồng Nai)..., khu đô thị mới (khoảng 6.000 ha) tại vùng giáp ranh giữa thành phố Hồ Chí Minh (huyện Củ Chi) với Tây Ninh (huyện Trảng Bàng) và tỉnh Long An (huyện Đức Hòa).

- Chú trọng quy hoạch, kế hoạch xây dựng các khu nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất, sinh viên và học sinh trường dạy nghề.

- Quy hoạch hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải, giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại các đô thị, đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh. Quy hoạch các khu nghĩa trang, các nhà máy xử lý chất thải (gồm cả chất thải đô thị, công nghiệp, y tế), nhất là nhà máy xử lý chất thải rắn, độc hại cho cả Vùng. Hạn chế tối đa tác động tiêu cực của quá trình phát triển đô thị, xây dựng các khu công nghiệp đến môi trường sinh thái của nông thôn, đặc biệt là khu vực ven đô.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xây dựng đề án phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng đô thị trong Vùng gắn với hành lang xuyên Á.

c) Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp của Vùng đến năm 2020; quy hoạch phát triển hệ thống lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối và quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo cho các tỉnh, thành phố trong Vùng.

- Tiếp tục nghiên cứu lựa chọn, phát triển các sản phẩm chủ yếu trong các ngành công nghiệp: điện tử - công nghệ phần mềm, cơ khí chế tạo, năng lượng, chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng (dệt may, da giày, nhựa, máy móc dân dụng, hóa mỹ phẩm, thiết bị văn phòng) và công nghiệp vật liệu xây dựng.

- Rà soát quy hoạch khu công nghiệp khí - điện - đạm và lọc hóa dầu.

- Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ. Điều chỉnh lại hướng phân bố công nghiệp trên địa bàn.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các sản phẩm chủ yếu.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, các vùng chuyên canh tập trung sản xuất nông sản hàng hóa. Tổ chức lại ngành chăn nuôi, gắn với giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm phù hợp với điều kiện của Vùng; quy hoạch phát triển rừng; phát triển thủy lợi vừa phục vụ tưới tiêu nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt vừa phát triển thủy điện, nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức nghiên cứu quy hoạch khu nông nghiệp công nghệ cao. Quy hoạch phát triển vùng cây chuyên canh như: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, cây ăn trái như: bưởi, nhãn, măng cầu. Quy hoạch vùng chuyên canh rau xanh xung quanh thành phố Hồ Chí Minh, tại Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nghiên cứu biện pháp thúc đẩy tăng diện tích che phủ rừng, cải thiện môi trường sinh thái, tạo cảnh quan du lịch. Bảo vệ rừng đầu nguồn, phát triển rừng phòng hộ ven biển và rừng nguyên liệu giấy. Quy hoạch phát triển lâm nghiệp nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc ở Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương và Bình Phước.

- Quy hoạch cải tạo vùng nông thôn kết hợp với việc hình thành các đô thị vệ tinh của thành phố lớn, các huyện lỵ, mở rộng các khu dân cư đô thị gắn với khu công nghiệp tập trung.

- Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các khu nông nghiệp, lâm nghiệp công nghệ cao; sản xuất nông, lâm sản xuất khẩu.

đ) Bộ thủy sản chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương trong Vùng nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sản vùng nước nội địa, phát triển các hồ chứa và nuôi thủy sản tập trung.

- Xây dựng và trình Chính phủ dự án xây dựng các trung tâm giống, trung tâm chế biến thủy sản; hiện đại hóa các cơ sở chế biến thủy sản tại thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai, chú trọng phát triển khai thác, chế biến các dịch vụ nghề cá, tập trung đầu tư vào các phương tiện đánh bắt ngoài khơi theo hướng hiện đại; đề án mở rộng và nâng cấp các trường dạy nghề thủy sản.

e) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và địa phương trong Vùng nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường hàng không trong Vùng, nhất là hệ thống đường kết nối liên tỉnh, liên vùng quan trọng.

- Nhanh chóng nghiên cứu, triển khai xây dựng hệ thống tổng kho trung chuyển gắn với hoàn chỉnh hệ thống cảng biển đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự phát triển cho cả Vùng.

- Tổ chức triển khai các hoạt động chuẩn bị đầu tư các dự án đường cao tốc, các đường sắt nối các trung tâm công nghiệp và các đầu mối giao thông quan trọng. Đầu tư tuyến đường cao tốc từ thành phố Hồ Chí Minh đi Cần Thơ, tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Vũng Tàu, tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây - Đà Lạt.

- Tiếp tục hoàn thành nâng cấp các quốc lộ 20, 20B, 50, tuyến N2 nối Vùng KTTĐ phía Nam với Vùng đồng bằng sông Cửu Long và có phương án tạo tuyến liên kết mới.

- Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị, đặc biệt là hệ thống giao thông của thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và các vùng phụ cận. Quy hoạch, đầu tư phát triển vận tải công cộng tại các đô thị lớn. Đẩy nhanh tốc độ xây dựng mạng lưới cầu qua sông, hệ thống xe điện trên cao, xe điện ngầm tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Quy hoạch hệ thống hành lang xuyên Á đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam.

- Nghiên cứu đề án cải tạo nâng cấp các cảng sông và tuyến vận tải trên các sông chính của Vùng.

- Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt từ thành phố Hồ Chí Minh đi Vũng Tàu, đồng bằng sông Cửu Long, Phnôm Pênh (Campuchia) đến năm 2020.

- Hoàn thành việc hiện đại hóa ga hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất (thành phố Hồ Chí Minh); nghiên cứu xây dựng sân bay quốc tế thứ hai tại Long Thành (Đồng Nai), cải tạo sân bay Cổ Ông, sân bay Gò Găng (Bà Rịa - Vũng Tàu) phục vụ du lịch và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Hoàn thành kế hoạch di dời hệ thống cụm cảng số 5 trên sông Sài Gòn ra khỏi nội thành, thành phố Hồ Chí Minh. Đầu tư xây dựng mới cụm cảng Cái Mép, Thị Vải.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư phát triển đối với các loại giao thông và những công trình giao thông chủ yếu.

g) Bộ Bưu chính, Viễn thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương trong Vùng nghiên cứu xây dựng, đề xuất với Chính phủ về:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, có độ tin cậy cao gắn với công nghệ thông tin, đặc biệt là tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển hạ tầng mạng viễn thông theo hướng dài hạn, ứng dụng công nghệ hiện đại để làm nền tảng cho phát triển các ngành kỹ thuật cao. Tập trung đầu tư công nghệ để đưa viễn thông và công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế kỹ thuật dịch vụ mũi nhọn của Vùng.

- Chủ trì, đôn đốc và giám sát thực hiện các dự án đầu tư phát triển hệ thống bưu chính viễn thông, bảo đảm truyền dẫn liên tỉnh thông suốt và dịch vụ Internet, hệ thống cáp quang... đến các trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn và đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc tới tất cả các xã trong Vùng.

h) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng:

- Tập trung phát triển khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất, trong đó đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất; phát huy tiềm năng khoa học cơ bản, nghiên cứu triển khai phục vụ sản xuất.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư nước ngoài phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất và hạ tầng kỹ thuật khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất, khuyến khích đổi mới công nghệ và sử dụng công nghệ hiện đại. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách gắn kết các hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia với hoạt động của các khu công nghệ.

- Lập quy hoạch xây dựng phát triển và sớm đưa vào hoạt động các khu công nghệ (còn gọi là các khu sinh dưỡng công nghiệp, khu ươm tạo công nghệ, khu ươm tạo doanh nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao...) cấp tỉnh, cấp vùng và cấp quốc gia để góp phần phát triển hệ thống hạ tầng khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất.

- Xây dựng và sớm đưa vào hoạt động một số trường, trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao, trường đại học đa năng chất lượng cao theo mô hình gắn đào tạo với các hoạt động sản xuất của các nhà máy, góp phần phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ trực tiếp sản xuất.

i) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng nghiên cứu xây dựng, trình Chính phủ về rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của các địa phương và của cả Vùng đến năm 2020; triển khai thực hiện và kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; quy hoạch sử dụng tổng hợp và bảo vệ tài nguyên nước các lưu vực sông lớn; đề án phòng, chống thiên tai toàn Vùng; Chương trình quản lý tổng hợp khai thác và phát triển kinh tế biển của Vùng.

k) Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng nghiên cứu xây dựng, trình Chính phủ về rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng ngành dịch vụ:

- Trên cơ sở Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến Thương mại quốc gia giai đoạn 2006 - 2010 (Quyết định số 279/2005/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ) cụ thể hóa các hoạt động ưu tiên dành cho Chương trình xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu của Vùng; trung tâm thương mại, hội chợ.

- Nghiên cứu đề xuất các dự án về xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại đề nghị Nhà nước hỗ trợ đầu tư, bao gồm các dự án xây dựng, cải tạo các trung tâm triển lãm, hội chợ.

- Chủ trì xây dựng, đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách và trình Chính phủ

về phương thức tiêu thụ nông sản, phát triển thị trường và hoàn thiện cơ chế hoạt động của ngành thương mại trong Vùng.

l) Bộ Ngoại giao chủ trì xây dựng kế hoạch thu hút Việt kiều tham gia phát triển Vùng và chương trình quảng bá chủ trương phát triển Vùng.

m) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng nghiên cứu xây dựng và trình Chính phủ đề án rà soát, bổ sung và điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở dạy nghề, đặc biệt là kêu gọi đầu tư mới hoặc phối hợp với các nhà đầu tư nước ngoài có tiềm năng lớn về tài chính, kỹ thuật, chuyên môn cao tại Vùng ĐNB và vùng KTTĐ phía Nam để cùng hợp tác xây dựng các trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ của Vùng. Các dự án này được hưởng ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành.

- Xây dựng đề án gắn chương trình đào tạo nghề cho người lao động với các doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho người lao động, nhất là những khu vực nông dân dành đất cho mở rộng sản xuất, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Nghiên cứu trình Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển dạy nghề, tạo việc làm, cai nghiện và an sinh xã hội cho các tỉnh, thành phố trong Vùng.

- Có kế hoạch hướng dẫn các Ban Quản lý khu công nghiệp về các chế độ, chính sách, quyền lợi của người lao động, tuyên truyền để người lao động tự giác làm đúng pháp luật, ngăn chặn các cuộc đình công bất hợp pháp và tuyệt đối không để các hành vi xâm phạm tài sản, thân thể các nhà đầu tư nước ngoài khi họ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

n) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng thực hiện các dự án phát triển mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trong Vùng theo quy hoạch; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các trường Đại học quốc gia cấp vùng. Nghiên cứu đề án xây dựng Trường Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thành Trung tâm đào tạo chất lượng cao của Vùng và cả nước, xây dựng các trường Đại học chuyên ngành tại các tỉnh lân cận thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu chương trình mạng lưới trường học, nhất là mạng lưới trường mầm non và các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề ở các huyện miền núi, hải đảo.

- Xây dựng phương án phát triển nhân tài và cơ chế, chính sách bảo đảm xã hội hóa giáo dục và đào tạo.

o) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương trong Vùng nghiên cứu xây dựng và hoàn chỉnh, trình Chính phủ các dự án: xây dựng trung tâm y tế vùng, trung tâm y tế chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế (Đông Nai), hệ thống y tế cơ sở Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam đến năm 2010; trong đó, đặc biệt là mạng lưới y tế ở các hải đảo, các xã khó khăn; cơ sở phòng và chữa trị các bệnh lây lan.

- Nghiên cứu đề án nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị các trạm y tế xã thuộc Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam.

- Xây dựng cơ chế, chính sách bảo đảm xã hội hóa y tế nhằm phục vụ việc khám, chữa bệnh cho nhân dân và đáp ứng yêu cầu hội nhập.

p) Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng xây dựng triển khai thực hiện dự án phát triển văn hóa, nhất là các dự án bảo tồn các di tích cách mạng; nghiên cứu dự án hoàn thiện thiết chế văn hóa - thông tin cơ sở ở các tỉnh, thành phố trong Vùng.

q) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Ủy ban nhân dân các địa phương trong Vùng quy hoạch tổng thể các cơ sở thuộc lĩnh vực quốc phòng: hệ thống công nghiệp quốc phòng, hệ thống cảng, kho bãi, xây dựng đồn biên phòng, đường tuần tra biên giới, các đề án xây dựng các khu kinh tế quốc phòng.

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện kế hoạch phòng thủ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quy hoạch hệ thống đồn, trạm biên phòng ở biên giới, hải đảo; xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới đất liền và các huyện, xã đảo có vị trí chiến lược đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, trình Chính phủ phê duyệt.

r) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng nghiên cứu xây dựng đề án, trình Chính phủ về:

- Phối hợp và củng cố chính quyền cơ sở để ngăn chặn, xử lý các hoạt động có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, kinh tế và trật tự an toàn xã hội.

- Đề xuất cơ chế quản lý nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống các tệ nạn ma túy, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới.

s) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng

nghiên cứu, xây dựng Đề án cơ chế, chính sách về tài chính, nhất là về thu và điều tiết ngân sách, phát hành trái phiếu công trình, lập Quỹ phát triển kết cấu hạ tầng; cơ chế, chính sách hải quan. Đồng thời, phối hợp với Bộ Xây dựng lập Đề án hỗ trợ xây dựng nhà ở cho công nhân gắn với các khu công nghiệp.

t) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các địa phương xây dựng quy hoạch, kế hoạch kiện toàn tổ chức của các địa phương trong Vùng. Tham gia với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để hoàn thiện cơ chế và mô hình điều phối hoạt động Vùng theo quy hoạch chung được duyệt.

u) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng rà soát hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế điều hành, chính sách ưu tiên phát triển Vùng khó khăn trong các lĩnh vực khuyến khích đầu tư, phân bổ và quản lý vốn đầu tư của Nhà nước, định hướng thị trường và hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho phát triển và đảm bảo an ninh quốc phòng cho Vùng.

v) Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương trong Vùng, nghiên cứu, xây dựng và trình Chính phủ Đề án phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã vùng miền núi, biên giới.

Nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với trình độ, tập quán phát triển của từng dân tộc.

x) Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em chủ trì xây dựng các đề án tăng cường kế hoạch hóa gia đình; nâng cao chất lượng dân số; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

y) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng nghiên cứu xây dựng trình Chính phủ:

- Cơ chế, chính sách tín dụng, ngân hàng đối với Vùng, tập trung vào rà soát, chỉnh sửa cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn trong đầu tư, tín dụng.

- Cơ chế xử lý rủi ro đối với các hộ nghèo trong việc trả nợ các khoản vay.

7. Nhiệm vụ đối với các cơ quan thuộc Chính phủ

a) Tổng cục Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương trong Vùng nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh và định hướng quy hoạch phát triển đến năm 2020, xây dựng kế hoạch đầu tư đến năm 2010; trong đó, chú trọng hệ thống các khu du lịch hiện đại, chất lượng cao; phát triển các khu vui chơi, giải trí trong các khu kinh tế và trong Vùng; đề án xúc tiến quảng bá du lịch. Đề xuất kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho Vùng.

b) Đài Truyền hình Việt Nam nghiên cứu, xây dựng quy hoạch để Bộ Văn hóa - Thông tin thẩm định trước khi trình Chính phủ đề án mở rộng mạng phủ sóng truyền hình tới các huyện miền núi, hải đảo; đề án đầu tư nâng cấp tháp truyền hình để nâng cao chất lượng các chương trình phát sóng...

c) Đài Tiếng nói Việt Nam nghiên cứu, xây dựng quy hoạch để Bộ Văn hóa - Thông tin thẩm định trước khi trình Chính phủ đề án mở rộng mạng phủ sóng truyền thanh tới các huyện miền núi, hải đảo.

d) Các Bộ, ngành khác theo chức năng của mình tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển của ngành và các vấn đề liên quan theo tinh thần Nghị quyết số 53-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ Chính trị, trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội Vùng ĐNB và Vùng KTTĐ phía Nam đã được phê duyệt và Quyết định số 146/2004/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội Vùng KTTĐ phía Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

8. Đối với các địa phương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 trên tinh thần Nghị quyết số 53-NQ/TW; đồng thời, xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể của địa phương đến năm 2010, trong đó xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, giải pháp về huy động vốn và sử dụng vốn cho từng chương trình, dự án trình Chính phủ. Cập nhật các dự báo, xem xét lại các khả năng hiện thực, xác định lại cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững. Công khai hóa các quy hoạch đô thị, khu công nghiệp, kể cả các khu công nghiệp nhỏ hoặc cụm, điểm công nghiệp, làng nghề và các vùng sản xuất cây, con đặc sản có năng suất và chất lượng cao.

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch phát triển các khu kinh tế tổng hợp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu thương mại, các khu vui chơi giải trí, hệ thống các đô thị và khu dân cư trên địa bàn tỉnh phù hợp với định hướng chung của Vùng và của quốc gia... nêu rõ nhu cầu, cơ cấu đầu tư và giải pháp huy động vốn thực hiện các công trình, dự án trọng điểm, trình Chính phủ phê duyệt để đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, cơ sở hạ tầng cụm tuyến dân cư vùng ngập sâu, các trung tâm cụm xã

đọc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, phối hợp với Bộ Công an thực hiện dự án tăng cường trang thiết bị, phương tiện và lực lượng cho các xã biên giới, đảm bảo ổn định các nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân gắn với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, nhất là các vùng xung yếu, biên giới, hải đảo.

9. Tiến độ thực hiện

Các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng khẩn trương triển khai thực hiện công việc theo tinh thần Nghị quyết số 53-NQ/TW và theo chức năng quản lý nhà nước của mình, phải thực hiện nhiệm vụ được phân công theo đúng tiến độ.

a) Trong 6 tháng đầu năm 2006 phải hoàn thành những công việc sau:

- Cơ chế phối hợp Vùng;
- Cơ chế, chính sách về tài chính, đầu tư, sử dụng và bảo vệ nguồn nước, xử lý rác thải;
- Các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Xây dựng danh mục chương trình, dự án ưu tiên để kêu gọi đầu tư.

b) Trong 6 tháng cuối năm 2006 phải hoàn thành các công việc:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng;
- Tổ chức xúc tiến đầu tư.

Căn cứ vào tiến độ này, các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trong Vùng phối hợp chặt chẽ thông qua Văn phòng Ban Chỉ đạo Tổ chức điều phối phát triển các vùng KTTĐ (Văn phòng Ban Chỉ đạo đặt tại Viện Chiến lược Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 65 - Văn Miếu, Hà Nội) tích cực tổ chức triển khai để hoàn thành công việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và báo cáo về Ban Chỉ đạo Tổ chức điều phối phát triển các vùng KTTĐ theo định kỳ 6 tháng và hàng năm.

III. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Nghị quyết số 53-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ, theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của Bộ, ngành, địa phương mình; thực hiện các đề án, dự án, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách và bộ máy theo sự phân công của Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong Chương trình hành động, kịp thời đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với tình hình cụ thể và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và Văn phòng Ban Chỉ đạo Tổ chức điều phối phát triển các vùng Kinh tế trọng điểm đôn đốc và giám sát việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình này./.

THỦ TƯỚNG

Phan Văn Khải